

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **15** tháng 7 năm 2020 và thay thế Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc Quy định (tạm thời) tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc quy định định mức trang bị xe ô tô chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và Quyết định số 467a/QĐ-UBND ngày 22/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc bổ sung quy định định mức trang bị xe ô tô chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *kh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Y tế;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Báo Đắk Nông;
- Trung tâm lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCQT, KTTH (TT). *6*



Nguyễn Bốn

QUY ĐỊNH

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
(Ban hành kèm theo Quyết định số **16** /2020/QĐ-UBND ngày **01** tháng **7**
năm **2020** của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng và khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác các chức danh và phục vụ chung.

Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh và phục vụ chung thuộc phạm vi áp dụng trong quy định này, bao gồm: xe ô tô từ 04 đến 16 chỗ ngồi (không thuộc xe ô tô chuyên dùng).

Xe ô tô chuyên dùng thuộc phạm vi áp dụng trong quy định này, thuộc loại xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 17 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (Nghị định số 04/2019/NĐ-CP).

Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh và phục vụ chung, xe ô tô chuyên dùng được hình thành từ nguồn vốn ngân sách, có nguồn gốc ngân sách (kể cả viện trợ, quà biếu, tặng, cho của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoặc được xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định của pháp luật).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc tỉnh Đắk Nông quản lý.

2. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Chương II
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ**

Điều 3. Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh

1. Bí thư Tỉnh ủy được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác với giá mua theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP.

2. Các chức danh: Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách của tỉnh được sử dụng xe ô tô để đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác với giá mua theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP.

Điều 4. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh:

a) Văn phòng Tỉnh ủy phục vụ chung các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy (gồm: Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận, Ủy ban Kiểm tra và Ban Nội chính Tỉnh ủy) có chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô: Tối đa 07 xe;

b) Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô: Tối đa 04 xe/01 đơn vị;

c) Các Sở, Ban, ngành và các tổ chức tương đương thuộc cấp tỉnh có chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện:

a) Văn phòng Huyện ủy, Thành ủy có chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô: Tối đa 02 xe/01 đơn vị;

b) Văn phòng Hội đồng nhân dân huyện, thành phố và Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

Điều 5. Định mức sử dụng, giá mua xe ô tô chuyên dùng

1. Định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng:

a) Định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, chi tiết theo *Phụ lục số 01* đính kèm.

b) Định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (trừ điểm a khoản 1 Điều này), chi tiết theo *Phụ lục số 02* đính kèm.

2. Giá mua xe ô tô chuyên dùng:

a) Giá mua xe ô tô chuyên dùng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, sau khi có ý kiến thống nhất Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Giá mua xe ô tô chuyên dùng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, sau khi có ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa được quy định định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại khoản 1 Điều này, khi phát sinh có nhu cầu sử dụng xe ô tô chuyên dùng sau thời điểm ban hành Quy định này; Sở Tài chính rà

soát, đối chiếu quy định từng trường hợp cụ thể tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 6. Quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung cấp tỉnh

1. Văn phòng Tỉnh ủy quản lý xe ô tô tập trung hệ thống các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy (gồm: Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận, Ủy ban Kiểm tra và Ban Nội chính Tỉnh ủy) để bố trí xe ô tô khi đi công tác.

2. Các Sở, Ban, ngành và các tổ chức tương đương thuộc cấp tỉnh trực tiếp quản lý để bố trí, sử dụng xe ô tô khi đi công tác.

Chương III

KHOẢN KINH PHÍ SỬ DỤNG XE Ô TÔ; BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA VÀ XỬ LÝ XE Ô TÔ

Điều 7. Khoản kinh phí sử dụng xe ô tô

1. Đối tượng thực hiện khoản kinh phí sử dụng xe ô tô (việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô trên tinh thần tự nguyện).

a) Chức danh khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này.

b) Chức danh quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP.

c) Chức danh thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 3 Điều 12, khoản 3 Điều 13 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP.

2. Công đoạn, hình thức và mức khoán kinh phí đối với các chức danh tại điểm a khoản 1 Điều này:

a) Công đoạn khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP.

b) Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với công đoạn đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại (2 lần/ngày): Áp dụng hình thức khoán gọn (áp dụng đối với từng chức danh), thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22/4/2019 của Bộ Tài chính.

c) Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với công đoạn đi công tác: Áp dụng hình thức khoán theo km thực tế, thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22/4/2019 của Bộ Tài chính.

3. Công đoạn, hình thức và mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với các chức danh quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này:

a) Công đoạn khoán kinh phí sử dụng xe ô tô được xác định trên cơ sở khoảng cách thực tế của lộ trình di chuyển ngắn nhất từ cơ quan đến các địa điểm công tác (mà xe ô tô kinh doanh vận tải được phép lưu thông).

b) Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với công đoạn đi công tác: Áp dụng hình thức khoán theo km thực tế, thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22/4/2019 của Bộ Tài chính.

Điều 8. Đơn giá và mức khoán đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô

1. Đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô được xác định theo mức giá cước xe taxi (loại 4 chỗ ngồi) phổ biến trên địa bàn tỉnh và tính theo phương pháp bình quân (đơn giá bình quân).

2. Mức khoán đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô:

a) Nhóm chức danh Thường trực Tỉnh ủy: 1,5 lần đơn giá bình quân.

b) Nhóm chức danh Ban Thường vụ Tỉnh ủy: 1,3 lần đơn giá bình quân.

c) Nhóm chức danh Tỉnh ủy viên, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,9 trở lên): 1,2 lần đơn giá bình quân.

d) Nhóm chức danh còn lại: 1 lần đơn giá bình quân.

3. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan thực hiện thông báo đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện. Khi mức giá cước xe taxi trên địa bàn tỉnh tăng hoặc giảm trên 20% so với đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đã thông báo, Sở Tài chính thực hiện điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 9. Bảo dưỡng, sửa chữa và xử lý xe ô tô

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô theo quy định tại Thông tư số 53/2014/TT-BGTVT ngày 20/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định việc bảo dưỡng kỹ thuật, sửa chữa phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

2. Việc mua sắm, điều chuyển, bán, thanh lý, thu hồi xe ô tô thực hiện theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này; Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải, Y tế

1. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan triển khai, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Quy định này;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan xác định và thông báo đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô làm cơ sở cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc mua sắm, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý xe ô tô đúng theo quy định Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;

d) Rà soát, cập nhật và chuẩn hóa đầy đủ số liệu về tài sản là xe ô tô trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo thời hạn quy định.

2. Sở Giao thông Vận tải

a) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng xe ô tô kiểm tra, đánh giá tình trạng kỹ thuật xe ô tô, lập biên bản và kết luận về mức độ hư hỏng, để làm cơ sở cho cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức thực hiện sửa chữa, thanh lý xe ô tô;

b) Phối hợp Sở Tài chính xác định đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô để làm cơ sở cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện.

3. Sở Y tế

Sau khi Bộ Y tế ban hành quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, Sở Y tế có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính rà soát tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế đã được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Quy định này, để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan

1. Thực hiện trang bị, bố trí, sử dụng xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức do Nhà nước quy định; đảm bảo sử dụng xe ô tô đúng mục đích, hiệu quả và tiết kiệm; công khai chi phí sử dụng và mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị tiên phong đi đầu trong việc tự nguyện nhận khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc khuyến khích, động viên các chức danh đủ tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình tự nguyện nhận khoán kinh phí sử dụng xe ô tô.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Ngoài thực hiện Quy định này, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22/4/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô và các văn bản quy định khác có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp. / *kh*



Nguyễn Bốn

Phụ lục số 01

ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ CHUYÊN DỤNG TRONG LĨNH VỰC Y TẾ TỈNH ĐẮK NÔNG

(Kèm theo Quyết định số 16 /2020/QĐ-UBND ngày 01 / 7 /2020 của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	CHUNG LOẠI	SỐ LƯỢNG
1	Sở Y tế	Xe phục vụ chỉ đạo tuyến, phòng chống dịch bệnh	Tối đa 02 xe
2	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Xe phục vụ chỉ đạo tuyến, hỗ trợ thực hiện phòng chống dịch bệnh	01 xe
3	Chi Cục An toàn thực phẩm	Xe phục vụ chỉ đạo tuyến, thanh kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm liên ngành	01 xe
4	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Xe chỉ đạo tuyến, Xe cứu thương, xe chụp X.quang lưu động, xe nha khoa và xe mổ mắt lưu động	Tối đa 06 xe
5	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Xe chỉ đạo tuyến, xe phòng chống dịch bệnh, xe phun hóa chất, xe lạnh chở vắc xin	Tối đa 04 xe
6	Trung tâm pháp Y	Xe phục vụ công tác khám nghiệm pháp y	Tối đa 02 xe
7	Trung tâm Giám định Y khoa	Xe phục vụ công tác khám giám định y khoa	01 xe
8	Trung tâm y tế thành phố Gia Nghĩa	Xe chỉ đạo tuyến, xe phòng chống dịch bệnh, xe phun hóa chất, xe lạnh chở vắc xin; xe cấp cứu lưu động	Tối đa 02 xe
9	Trung tâm y tế tuyến huyện (07 huyện)	Xe vận chuyển cấp cứu; xe chỉ đạo tuyến, phòng chống dịch bệnh, xe phun hóa chất, xe lạnh chở vắc xin	Tối đa 04 xe/huyện

Handwritten signature

Phụ lục số 02

ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG

(Kèm theo Quyết định số **16** /2020/QĐ-UBND ngày **01** / **7** /2020 của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	CHUNG LOẠI	SỐ LƯỢNG
I	KHỐI TỈNH		
1	Văn phòng Tỉnh ủy	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi; Xe chỉ đạo phòng chống lụt bão, Xe hộ đê, ...	Tối đa 02 xe
2	Văn phòng HĐND tỉnh	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	01 xe
3	Văn phòng UBND tỉnh	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	01 xe
4	Sở Giao thông vận tải	Xe thanh tra giao thông	Tối đa 03 xe
		Xe ô tô gắn thiết bị cân tải trọng xe	01 xe
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
	<i>Các đơn vị trực thuộc</i>		
5.1	Chi cục Phát triển nông nghiệp	Xe ô tô bán tải	Tối đa 03 xe
5.2	Chi cục Thủy lợi và phòng chống lụt bão	Xe ô tô bán tải (hoặc Xe hộ đê, xe chỉ đạo phòng chống lụt bão)	01 xe
5.3	Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung; Khu bảo tồn thiên nhiên Tà Đùng; Ban Quản lý rừng phòng hộ: Nam Cát Tiên, Gia Nghĩa, Thác Mơ, Vành đai biên giới, Đắk Măng, ... và các Ban, Khu có chức năng quản lý bảo vệ rừng theo quy định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Xe ô tô bán tải	01 xe/Khu/Ban
5.4	Chi cục Kiểm lâm tỉnh	Xe ô tô bán tải (hoặc Xe kiểm lâm)	01 xe
	<i>Các đơn vị trực thuộc</i>		
5.4.1	Đội Kiểm lâm cơ động	Xe ô tô bán tải	01 xe/đội
		Xe cần cẩu	01 xe/đội
		Xe phòng cháy chữa cháy	01 xe/đội
5.4.2	Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố	Xe ô tô bán tải	01 xe/Hạt
6	Sở Khoa học và Công nghệ		
	<i>Đơn vị trực thuộc</i>		
	Trung tâm Thông tin, kỹ thuật và ứng dụng khoa học công nghệ.	Xe ô tô bán tải	01 xe

STT	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	CHUNG LOẠI	SỐ LƯỢNG
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
	<i>Các đơn vị trực thuộc</i>		
7.1	Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh	Xe phục vụ thông tin liên lạc; Xe ô tô bán tải	Tối đa 02 xe
7.2	Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh	Xe sân khấu diển lưu động; xe ô tô trên 16 chỗ	Tối đa 02 xe
7.3	Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao tỉnh	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	01 xe
7.4	Thư viện tỉnh	Xe thư viện lưu động	01 xe
8	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Xe phát thanh truyền hình lưu động	01 xe
		Xe ô tô bán tải	Tối đa 02 xe
9	Sở Lao động Thương binh và Xã hội		
	<i>Các đơn vị trực thuộc</i>		
	Trung tâm bảo trợ xã hội	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	01 xe
10	Sở Tài nguyên và Môi trường		
	<i>Đơn vị trực thuộc</i>		
	Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường	Xe ô tô bán tải	01 xe
11	Công ty Phát triển hạ tầng KCN Tâm Thắng	Xe phun nước	01 xe
12	Ban chỉ đạo Phân giới cắm mốc tỉnh	Xe ô tô bán tải	Tối đa 02 xe
13	Trường Cao đẳng Cộng đồng Đắk Nông	Xe ô tô tải	01 xe
II	KHỐI HUYỆN, THÀNH PHỐ		
1	UBND thành phố Gia Nghĩa	Xe bán tải, Xe phục vụ thông tin liên lạc, Xe nâng sửa chữa điện công cộng, Xe chở rác, Xe ép rác thải, Xe phun nước, xe quét đường, ...	Tối đa 12 xe
2	UBND các huyện	Xe bán tải, Xe phục vụ thông tin liên lạc, Xe nâng sửa chữa điện công cộng, Xe chở rác, Xe ép rác thải, Xe phun nước, xe quét đường, ...	Tối đa 10 xe/huyện

Handwritten signature